TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/DS-ST
Ngày: 04-3-2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Điệp;

2. Ông Nguyễn Minh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 653/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2026/QĐXXST–DS ngày 02 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2026/QĐST–DS ngày 12 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thúy T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số A, Khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đặng Quốc C, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Khóm H C, xã P, tỉnh Cà Mau; địa chỉ hiện nay: Số F đường D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lê Thị Thúy T trình bày***: Bà Lê Thị Thúy T và ông Đặng Quốc C là bạn bè nên bà T cho ông C vay nhiều lần với nhiều số tiền khác nhau bằng hình thức chuyển khoản, mức lãi và thời gian vay hai bên không thỏa thuận, cụ thể các lần vay:

+ Ngày 23/11/2024, chuyển 300.000.000đ*;*

+ Ngày 04/12/2024, chuyển 300.000.000đ;

+ Ngày 04/12/2024 tiếp tục chuyển 200.000.000đ;

+ Ngày 24/12/2024, chuyển khoản 80.000.000đ.

Ngày 05/12/2024, hai bên chốt lại tính đến ngày 05/12/2024 ông C nợ bà T tổng số tiền 886.000.000đ. Trong tổng số tiền này, ông C đã trả được 586.000.000đ, số tiền còn lại 300.000.000đ ông C chưa trả được mà tiếp tục vay bà T, cụ thể:

+ Ngày 04/01/2025, chuyển khoản 120.000.000đ;

+ Ngày 09/01/2025, chuyển khoản 200.000.000đ;

+ Ngày 12/01/2025 chuyển khoản 5.000.000đ.

Kể từ sau khi bà T cho vay lần cuối cùng là ngày 12/01/2025 thì ông C không còn trả cho bà T thêm số tiền nào. Tổng số tiền ông C còn nợ là 625.000.000đ nhưng đến nay bà T không liên hệ được nên buộc bà T phải khởi kiện, yêu cầu:

- Tiền nợ gốc 300.000.000đ và tiền lãi tạm tính từ ngày 06/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 300.000.000đ x 1,67%/tháng x 12 tháng 4 ngày = 60.820.761đ.

- Tiền nợ gốc 325.000.000đ và tiền lãi tạm tính từ ngày 10/8/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 325.000.000đ x 0,83%/tháng x 5 tháng = 13.487.500đ.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

+ Đối với tiền lãi trên tiền nợ gốc 300.000.000đ thì bà T chỉ yêu cầu ông C trả mức lãi 0,83%/tháng tạm tính từ ngày 06/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm, bà T lấy mốc thời gian ngày 06/01/2025 là vì ngày 05/12/2024 ông C viết giấy nhận nợ xác định còn nợ số tiền 886.000.000đ nhưng đến ngày 04/01/2025 ông C đã trả số tiền 586.000.000đ, số tiền còn lại 300.000.000đ đến nay không trả.

+ Tiền nợ gốc 325.000.000đ (vay các ngày 04/01/2025, 09/01/2025, 12/01/2025) thì bà T yêu cầu ông C trả lãi tạm tính từ ngày 12/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi 0,83%/tháng. Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu tính lãi từ ngày 10/8/2025 là do nhầm lẫn nên đến nay bà xác định lại là ngày 12/01/2025.

**** Bị đơn ông Đặng Quốc C:*** Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:***

+ Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục.

+ Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về thẩm quyền*: Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy T là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có nơi cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa*: Nguyên đơn bà Lê Thị Thúy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đặng Quốc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là được đăng trên B 03 kỳ liên tiếp vào các ngày 14, 15, 16 tháng 01 năm 2026 và phát sóng trên kênh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông (V) trong 03 ngày liên tiếp 15, 16, 17 tháng 01 năm 2026 nhưng đến nay ông Đặng Quốc C vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật*: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền bị đơn đã vay còn nợ là 625.000.000đ cùng với tiền lãi phát sinh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về số tiền nợ gốc 300.000.000đ*

Theo như đơn khởi kiện, bà T xác định đã cho ông C vay các số tiền và thời gian khác nhau bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể:

+ Ngày 23/11/2024, chuyển khoản 300.000.000đ*;*

+ Ngày 04/12/2024, chuyển khoản 300.000.000đ;

+ Ngày 04/12/2024, chuyển khoản 200.000.000đ;

+ Ngày 24/12/2024, chuyển khoản 80.000.000đ;

Ngày 05/12/2024 ông C làm giấy nhận còn nợ bà T tính đến ngày 05/12/2024 là số tiền 886.000.000đ. Bà T cho rằng, trong tổng số tiền vay 886.000.000đ thì ông C đã được 586.000.000đ, số tiền còn lại 300.000.000đ đến nay chưa trả.

Xét thấy: Qua xem xét sao kê tài khoản của bà T thời gian từ ngày 23/11/2024 đến ngày 31/12/2025 thì tổng số tiền ông C đã chuyển cho bà T là 990.500.000đ với nội dung "*ĐANG QUOC CUONG chuyen tien*", cụ thể:

+ Ngày 25/11/2024: Chuyển 61.500.000đ;

+ Ngày 02/12/2024: Chuyển 148.000.000đ;

+ Ngày 23/12/2024: Chuyển 30.000.000đ;

+ Ngày 23/12/2024: Chuyển 16.000.000đ;

+ Ngày 02/01/2025: Chuyển 300.000.000đ;

+ Ngày 02/01/2025: Chuyển 235.000.000đ;

+ Ngày 03/01/2025: Chuyển 200.000.000đ;

Quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định: Trong tổng số tiền 990.500.000đ mà ông C chuyển cho bà T thì có 460.000.000đ là ông C chuyển trả cho khoản tiền vay trước đó, không liên quan gì đến số tiền mà bà đang khởi kiện, cụ thể:

+ Ngày 02/12/2024: Chuyển 148.000.000đ để trả cho số tiền 148.000.000đ mà công C đã vay bà ngày 27/11/2024.

+ Ngày 03/01/2025: Chuyển 200.000.000đ để trả cho số tiền 200.000.000đ mà ông C đã vay bà vào ngày 13/11/2024.

+ Ngày 23/12/2024: Chuyển 30.000.000đ và 16.000.000đ để chuyển trả cho số tiền 30.000.000đ mà ông C vay ngày 20/12/2024 và 16.000.000đ vay ngày 23/12/2024.

+ Ngày 02/01/2025 ông C chuyển tổng số tiền 535.000.000đ để chuyển trả cho số tiền 66.000.000đ vay ngày 02/12/2024.

Số tiền còn lại 530.500.000đ ông C đã trả cho khoản tiền vay mà bà đang khởi kiện tính đến hết năm 2024 là 886.000.000đ nhưng do hai bên giao dịch qua lại nhiều lần, bà T không nhớ rõ nên bà thừa nhận số tiền ông C đã trả là 586.000.000đ, số tiền còn nợ của khoản vay này chỉ còn 300.000.000đ.

Ngoài ra, theo giấy nhận nợ ngày 05/12/2024 hai bên chốt lại số tiền ông C còn nợ là 886.000.000đ, nhưng trong đơn khởi kiện bà T lại cho rằng tính đến ngày 05/12/2024 hai bên chốt lại ông C còn nợ 880.000.000đ. Qua làm việc bà T cho rằng do thời gian đã lâu, bà không nhớ rõ chính xác 886.000.000đ hay 880.000.000đ, nhưng hai số tiền này là một khoản vay mà bà đang khởi kiện trong vụ án này. Ngoài ra, ngày hai bên xác nhận nợ là ngày 05/12/2024 với tổng số tiền 886.000.000đ, sau đó ngày 24/12/2024 theo như sao kê tài khoản thì bà T có chuyển cho ông C 80.000.000đ nhưng quá trình giải quyết vụ án bà T xác định khoản vay tính đến hết năm 2024 ông C chỉ còn nợ 300.000.000đ (chưa bao gồm khoản vay 325.000.000đ của năm 2025).

Như vậy, mặc dù trong nội dung mà ông C chuyển tiền cho bà T không thể hiện nội dung chuyển tiền là gì nhưng số tiền mà ông C chuyển được thể hiện trong sao kê hoàn toàn trùng khớp với lời khai của bà T nên có có căn cứ xác định số tiền ông C chuyển cho bà T với tổng số tiền 530.500.000đ là để trả cho khoản vay 886.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 05/12/2024 nhưng do bà T thừa nhận ông C1 đã trả là 586.000.000đ, số tiền còn nợ chỉ còn 300.000.000đ là có lợi cho ông C nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2.] *Về số tiền nợ gốc 325.000.000đ của khoản nợ vay năm 2025*: Bà T xác định số tiền này ông C chưa trả, qua xem xét sao kê tài khoản thì kể từ ngày 04/01/2025 ông C chưa có giao dịch nào chuyển tiền cho bà T nên có căn cứ xác định số tiền này ông C còn nợ của bà T.

Tổng số tiền gốc ông C còn nợ bà T là 625.000.000đ.

[2.3] *Về tiền lãi*:

+ Đối với tiền lãi trên tiền nợ gốc 300.000.000đ bà T yêu cầu ông C trả mức lãi 0,83%/tháng tạm tính từ ngày 06/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm.

+ Đối với tiền lãi trên tiền nợ 325.000.000đ bà T yêu cầu ông C trả lãi tạm tính từ ngày 12/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi 0,83%/tháng.

Xét thấy:

+ Đối với việc yêu cầu tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn nợ 300.000.000đ: Theo Giấy nhận nợ ngày 05/12/2024, thời hạn vay hai bên thỏa thuận là 30 ngày kể từ ngày 05/12/2024 và ngày hết hạn trả là ngày 05/01/2025 nên bà T yêu cầu tính lãi bắt đầu từ ngày 06/01/2025 là phù hợp. Do đó, số tiền lãi được tính như sau: 300.000.000đ x 0,83%/tháng x 13 tháng 26 ngày = 34.528.000đ.

+ Đối với việc yêu cầu tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn nợ 325.000.000đ: Theo như sao kê tài khoản thì ngày 04/01/2025 bà T cho ông C vay 120.000.000đ; ngày 09/01/2025 cho vay 200.000.000đ; ngày 12/01/2025 cho vay 5.000.00đ nhưng bà T chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 12/01/2025 nên Hội đồng xét xử ghi nhận, cụ thể tiền lãi được tính như sau: 325.000.000đ x 0,83%/tháng x 13 tháng 20 ngày = 36.865.833đ.

Tổng tiền lãi ông C phải trả cho bà T là 34.528.000đ+ 36.865.833đ= 71.393.833đ.

[2.2.4] Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn ông C phải trả cho nguyên đơn bà T là 625.000.000 đồng + 71.393.833đ = 696.393.833đ.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí:

+ Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà T phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà T đã nộp xong.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 6, Điều 8, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thúy T đối với bị đơn ông Đặng Quốc C về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Buộc bị đơn ông Đặng Quốc C có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Thúy T tổng số tiền 696.393.833đ (Sáu trăm chín mươi sáu triệu ba trăm chín mươi ba nghìn tám trăm ba mươi ba đồng), trong đó: Tiền nợ là 625.000.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng), tiền lãi 71.393.833đ (Bảy mươi mốt triệu ba trăm chín mươi ba nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà T phải chịu và được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Tòa án.

3. Về án phí sơ thẩm:

+ Trả lại cho bà T số tiền 15.972.150đ (Mười lăm triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn một trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030352 ngày 24/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bị đơn ông Đặng Quốc C phải chịu 31.855.000đ (Ba mươi mốt triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dânThành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hằng